CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

FireAnt

Ngày 30/09/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.3%	**8.3%**	**1.6%**

ROE — Q3/25: **4.6%** | +/- YoY: ▲ 2.8%

DT thuần — *Q3/25*: **227** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 66.0 ▲ 41.3% | YoY: ▼ 41.0 ▼ 15.1%

DT thuần — *9T 2025*: **605** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 9.00 ▲ 1.4%

LN gộp — *Q3/25*: **9.73** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 0.05 ▼ 0.5% | YoY: ▲ 0.04 ▲ 0.4%

LN gộp — *9T 2025*: **29.9** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 1.00 ▲ 3.4%

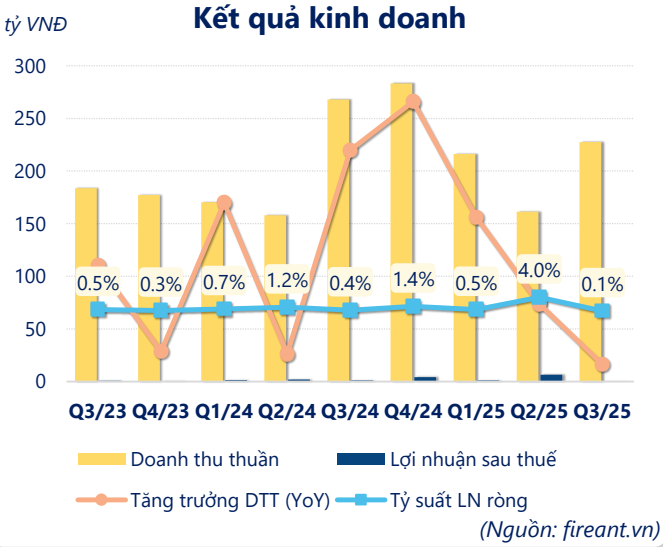
LN thuần — *Q3/25*: **0.62** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 0.54 ▲ 674% | YoY: ▼ 0.41 ▼ 39.9%

LN thuần — *9T 2025*: **1.77** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 0.54 ▲ 44.3%

LN sau thuế — *Q3/25*: **0.30** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 6.19 ▼ 95.4% | YoY: ▼ 0.67 ▼ 69.3%

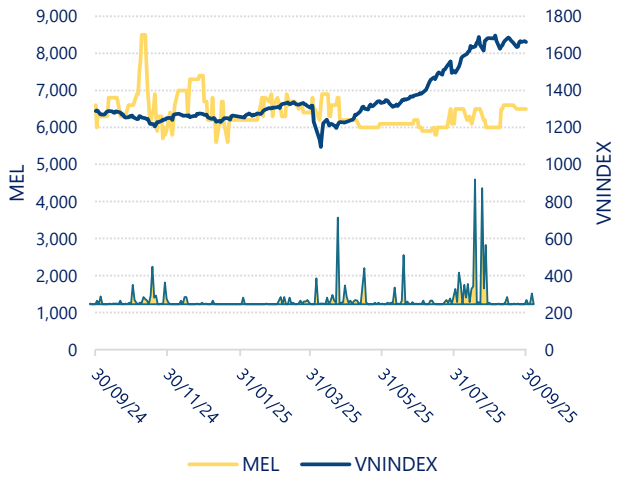
LN sau thuế — *9T 2025*: **7.89** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 3.84 ▲ 94.9%

Kết quả kinh doanh



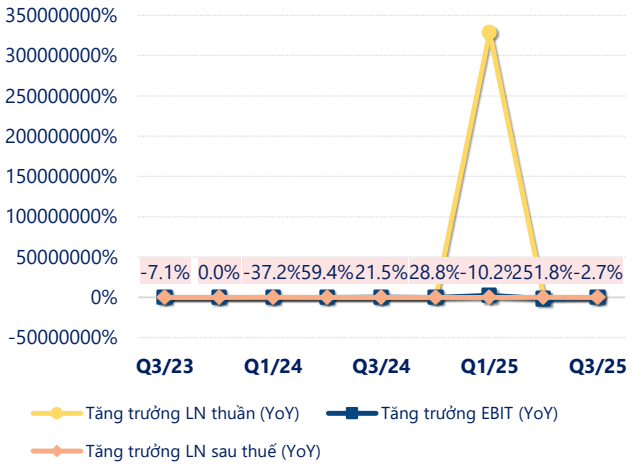
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



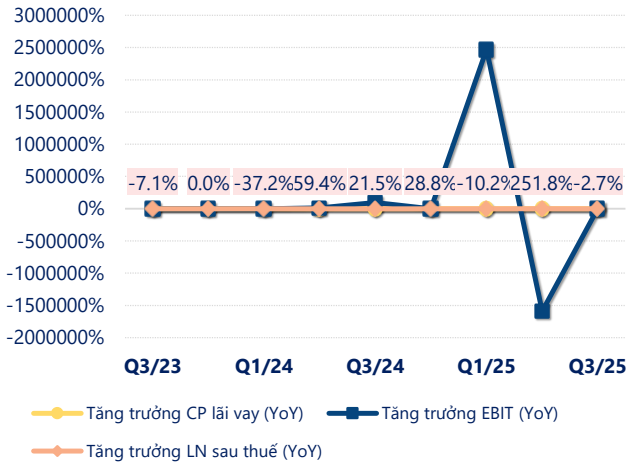
CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

Tăng trưởng lợi nhuận



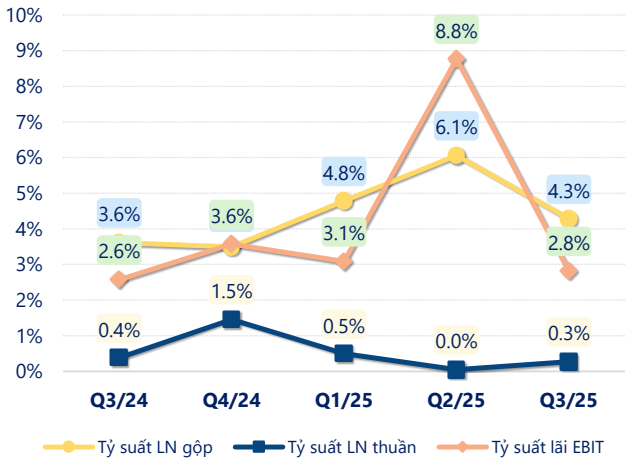
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



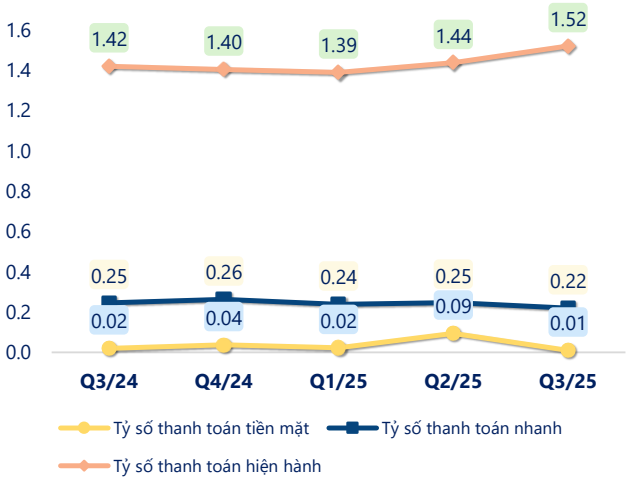
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



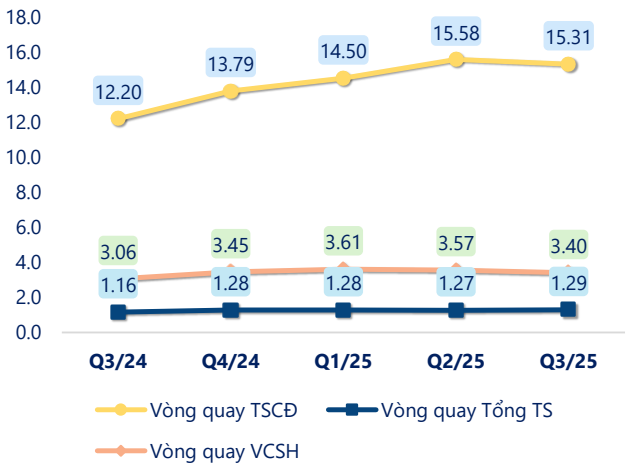
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



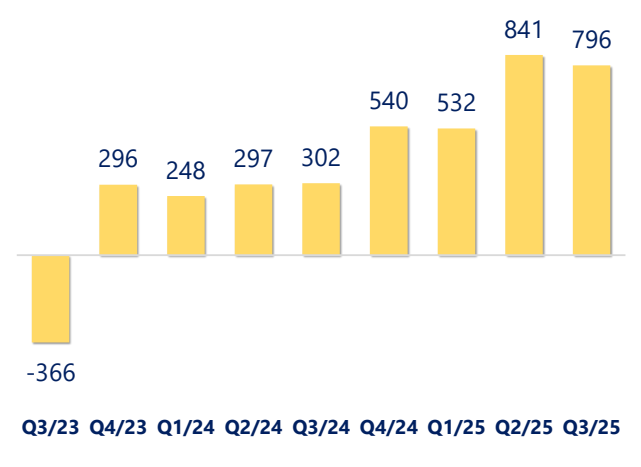
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

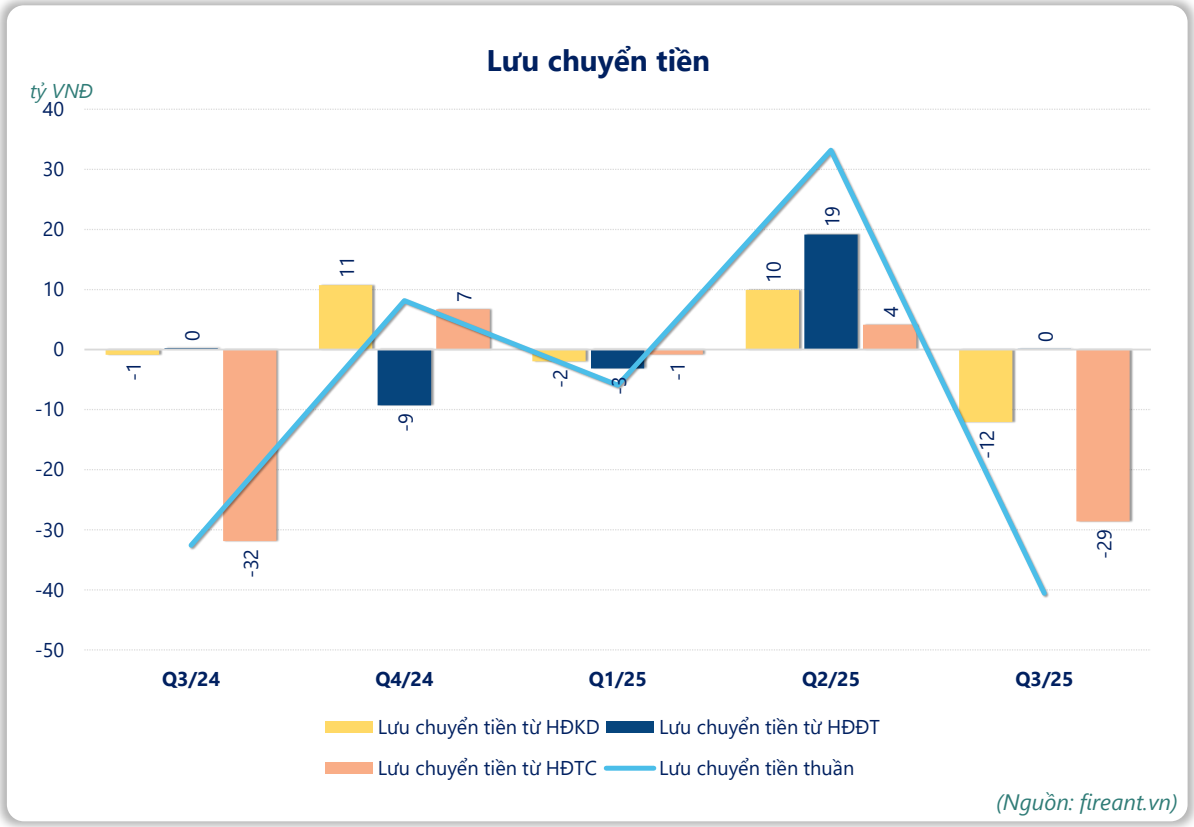


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**268**	**-15.1%**	**605**	**596**	**1.4%**
Giá vốn hàng bán	218	258	-15.6%	575	568	1.3%
Lợi nhuận gộp	9.73	9.69	0.4%	29.9	28.9	3.4%
Doanh thu HĐTC	0.50	0.22	127%	0.62	0.26	140%
Chi phí TC	5.94	5.66	4.9%	18.7	19.0	-2.0%
Chi phí lãi vay	5.85	5.66	3.3%	17.2	18.5	-6.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.36	0.87	56.1%	3.44	2.48	38.7%
Chi phí QLDN	**2.32**	**2.35**	**-1.3%**	**6.59**	**6.37**	**3.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.62	1.03	-39.9%	1.77	1.23	44.3%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**0.22**	**-125%**	**8.28**	**3.86**	**115%**
LN trước thuế	0.56	1.24	-54.6%	10.0	5.09	97.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.30**	**0.97**	**-69.3%**	**7.89**	**4.05**	**94.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.30**	**0.97**	**-69.3%**	**7.89**	**4.05**	**94.9%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)